

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày 14/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Tổ E, khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim K**, sinh năm 1968 và ông **Huỳnh Hữu S**, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: **D, đường B, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; bà **K** vắng mặt, ông **S** có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1963. Địa chỉ: **Khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông **Huỳnh Hữu S1**, sinh năm 1992; địa chỉ: **D, đường B, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn ông **Phạm Văn C** trình bày:*

Vào ngày 01/8/2022, ông **C** cho bà **Nguyễn Thị Kim K** vay số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 là do bà **K** viết, bà **K** có ký tên ghi họ tên vào. Bà **K** không đóng tiền lãi cho ông **C**, cũng chưa trả tiền gốc. Khi vay thì bà

K có thể chấp cho ông **C** 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 415416 mang tên **Huỳnh Hữu S1**. Nay ông **C** yêu cầu Tòa án buộc bà **Nguyễn Thị Kim K** và ông **Huỳnh Hữu S** hoàn trả cho ông **C** số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 01/9/2022. Nếu bà **K** thanh toán hết tiền cho ông **C** thì ông **C** sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **K**.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** trình bày: Vào ngày 01/8/2022, bà **K** có vay của ông **Phạm Văn C** số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, giấy mượn tiền là do bà **K** viết, bà **K** có ký tên ghi họ tên vào. Nay ông **C** yêu cầu Tòa án buộc bà **K** trả cho ông **C** số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 01/9/2022 thì bà **K** đồng ý trả số tiền gốc là 650.000.000đ, còn tiền lãi thì bà **K** đã đóng đến ngày 10/02/2023, nên bà **K** chỉ đồng ý đóng tiếp tiền lãi từ tháng 3/2023 đến nay.

- Theo bản tự khai bị đơn ông **Huỳnh Hữu S** trình bày: Ông **S** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn C** về việc buộc ông **S** phải liên đới với bà **K** thanh toán tiền cho ông **C** vì ông **S** không biết bà **K** vay tiền để làm gì, bà **K** vay tiền không nói cho ông **S** biết và ông **S** không có ký tên vào giấy mượn tiền của ông **C**.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị N** trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Hữu S1** trình bày: Ông không có ý kiến gì về việc vay mượn tiền giữa bà **Nguyễn Thị Kim K** với ông **Phạm Văn C**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà **K** thừa nhận có vay số tiền 650.000.000đ của ông **Phạm Văn C**, đối với số tiền gốc 650.000.000đ bà **K** đồng ý thanh toán cho ông **C** số tiền này, còn về tiền lãi thì bà **K** trình bày là đã đóng lãi đến ngày 10/02/2023 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét việc bà **K** đã đóng tiền lãi từ 01/9/2022 đến ngày 10/02/2023.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông **Huỳnh Hữu S** liên đới với bà **K** thanh toán tiền cho ông **C**, nhưng trong giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 ông **S** không ký tên, bà **K** vay tiền ông **S** không biết, đồng thời năm 2019 bà **K** và ông **S** ly hôn nên không có cơ sở để buộc ông **S** liên đới cùng với bà **K** thanh toán tiền cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 650.000.000đ và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét

tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K và ông Huỳnh Hữu S cư trú tại khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Vào ngày 01/8/2022 bị đơn bà K vay tiền của ông C, thời hạn vay là 01 tháng. Ngày 27/10/2023, nguyên đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn ông Phạm Văn C, bị đơn ông Huỳnh Hữu S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hữu S1, bà Phạm Thị N có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 01/8/2022, ông C cho bà K vay số tiền 650.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, giấy mượn tiền là do bà K viết, bà K có ký tên ghi họ tên vào. Khi vay tiền bà K có thể chấp cho ông C 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 415416 mang tên Huỳnh Hữu S1. Ông C yêu cầu Tòa án buộc bà K và ông S phải liên đới trả cho ông C số tiền là 650.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 01/9/2022.

Đối với số tiền gốc Hội đồng xét xử xét thấy: Bà K thừa nhận có vay số tiền 650.000.000đ của ông C và chưa thanh toán cho ông C. Do đó, việc bà K vay số tiền 650.000.000đ của ông C là có thật, bà K thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Đối với số tiền lãi, bà K trình bày là đã thanh toán tiền lãi đến ngày 10/02/2023, ông C không thừa nhận nhưng bà K không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà K về việc trả lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà K và ông S liên đới thanh toán tiền cho ông C nhưng trong giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 ông S không có ký tên, bà K vay tiền ông S không biết, đồng thời năm 2019 bà K và ông S ly hôn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để buộc ông S liên đới cùng bà K thanh toán tiền cho nguyên đơn.

Đối với lãi suất: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 hai bên không ghi lãi suất, ông C và bà K trình bày lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Bà K chưa đóng lãi cho ông C. Ông C khởi kiện yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tính lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày 14/6/2024 là: 116.458.000đ.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn C là 766.458.000đ.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên

được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí, bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Văn C** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Văn C** đối với bị đơn ông **Huỳnh Hữu S** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Nguyễn Thị Kim K** phải thanh toán cho ông **Phạm Văn C** số tiền là 766.458.000đ (bảy trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Trong đó có 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 116.458.000đ (Một trăm mười sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc ông **Phạm Văn C** trả lại cho bà **Nguyễn Thị Kim K** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 415416 mang tên **Huỳnh Hữu S1** khi bà **K** thanh toán hết tiền cho nguyên đơn.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim K** phải chịu 34.658.000đ (Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông **Phạm Văn C** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa